

Số: 336/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 14 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Bổ sung danh mục dự án cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA KHÓA XV, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ THỨ HAI MƯƠI MỘT

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến Luật quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số 105/TTr-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2024, Báo cáo số 262/BC-UBND ngày 13/6/2024 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 796/BC-KTNS ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bổ sung danh mục dự án cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ để thực hiện 10 dự án. Trong đó:

- Đất trồng lúa 44.437 m². Gồm: Đất chuyên trồng lúa nước (ruộng 02 vụ lúa) là 5.062 m²; Đất trồng lúa nước còn lại (ruộng lúa 01 vụ) là 38.375 m².

- Đất rừng phòng hộ (đất chưa có rừng): 156.918 m².

(Có 01 biểu kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khóa XV, kỳ họp chuyên đề thứ hai mươi một thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- VP Chủ tịch nước, VP Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- TT Huyện ủy, Thành ủy; HĐND; UBND các huyện, thành phố;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Trung tâm: Thông tin tỉnh; LTLS tỉnh;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng



DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT THEO ĐIỀU 58 LUẬT ĐẤT ĐAI

(theo Nghị quyết số 336/NQ-HĐND ngày 14/6/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm thực hiện	Tổng diện tích dự án (m ²)	Diện tích chuyên mục đích sử dụng đất (m ²)	Phân theo các loại đất (m ²)								Loại đất sau khi CMD sử dụng đất	Nguồn vốn thực hiện		
					Đất trồng lúa			Đất rừng phòng hộ		Đất rừng Đặc dụng		Đất khác còn lại (không phải đất trồng lúa, đất RPH, RDD)		Văn bản ghi vắn, quyết định chủ trương đầu tư	Nguồn vốn	
					Đất ruộng lúa 02 vụ	Đất ruộng lúa 01 vụ	Lúa nương	Đất có rừng	Đất chưa có rừng	Đất có rừng	Đất chưa có rừng					
1	2	3	4=5+10	5=6+...9	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
I	PHÙ YÊN															
1	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai, khắc phục sạt lở bản Lao, xã Mường Bang, huyện Phù Yên	Xã Mường Bang	19.808,0	9.783,8					9.783,8				10.024,2	ONT	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Sơn La	Ngân sách Trung ương
2	Trụ sở làm việc Công an xã Nam Phong	Xã Nam Phong	1.613,6	1.591,4					1.591,4				22,2	CAN	Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 09/12/2023 của UBND huyện Phù Yên	Ngân sách địa phương
3	Cứng hoá đường Liên xã Đá Đỏ - Kim Bon huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La	Xã Đá Đỏ, xã Kim Bon, xã Sập Xa	163.492,2	41.161,0					41.161,0				122.331,2	DGT	Quyết định số 217/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của UBND tỉnh Sơn La	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi
II	BẮC YÊN															
4	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng thiên tai, khắc phục sạt lở bản Suối Sắt, xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên	Xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên	49.500,0	25.529					25.528,8				5.712,4	ONT,DHT	Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND tỉnh Sơn La	Dự phòng ngân sách Trung ương năm 2023 hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở
		Xã Tạ Khoa, huyện Bắc Yên		294					293,7			17.965,1				

III MUỜNG LA															
5	Đường giao thông từ bản Mạo đến bản Nong Hùn đến xã Chiềng Công	Xã Chiềng Công	52.425,0	7.742,0		778,0			6.964,0			44.683,0	DGT	NQ 214/NQ-HĐND; QĐ 1345/QĐ-UBND ngày 24/7/2023	NS trung ương
6	Kè chống sạt lở bảo vệ khu dân cư bản Lướt, xã Ngọc Chiển, huyện Mường La	Xã Ngọc Chiển	95.000,0	39.506,5		37.596,5			1.910,0			55.493,5	DGT	Quyết định số 522/QĐ-UBND ngày 28/03/2024 của UBND tỉnh Sơn La	Nguồn vốn dự phòng ngân sách Trung ương năm 2023 + vốn ngân sách
7	Cứng hóa đường giao thông từ bản Phiêng Phá - Bản Đán Ẽn - Trung tâm xã Chiềng Lao	Xã Chiềng Lao	26.310,0	8.285,0					8.285,0			18.025,0	DGT	Quyết định 2414/QĐ-UBND ngày 17/11/2023 của UBND tỉnh Sơn La	Nguồn vốn chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền
8	Thủy điện Nậm Pàn 6	Xã Mường Bú	73.845,0	4.642,4	4.642,4							69.202,6	DNL	Quyết định 1309/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND tỉnh Sơn La	Nguồn vốn doanh nghiệp
IV SÔNG MÃ															
9	Đầu tư cứng hóa đường giao thông liên xã từ trung tâm xã Chiềng Phung - Trung tâm xã Mường Lầm, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Xã Chiềng Phung, xã Mường Lầm	163.600	39.900					39.900			123.700	DGT	Nghị Quyết số 245/NQ-HĐND ngày 15/11/2023 của HĐND tỉnh Sơn La	Ngân sách trung ương; Ngân sách huyện
10	Đầu tư cứng hóa đường giao thông từ bản Bua Hin - Trung tâm xã Mường Hung, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	Xã Mường Hung	127.260	21.920	420				21.500			105.340	DGT	Nghị quyết số 230/NQ-HĐND ngày 04/10/2023 của HĐND	Ngân sách trung ương; Ngân sách huyện